

Số: /KH-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 (*sau đây gọi là Chương trình*), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa nội dung Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ (KH&CN) quốc gia đến năm 2030 phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đảm bảo việc triển khai chương trình kịp thời, đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Huy động tối đa mọi nguồn lực để hình thành và phát triển thị trường KH&CN, nhằm nâng cao giá trị giao dịch hàng hóa KH&CN, phát triển tổ chức trung gian thị trường KH&CN và doanh nghiệp KH&CN, đẩy mạnh việc khai thác, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu KH&CN góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Góp phần nâng cao trình độ công nghệ sản xuất và thúc đẩy đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Tăng giá trị hoạt động dịch vụ KH&CN trong các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy hoạt động KH&CN, khuyến khích phong trào sáng tạo; tạo môi trường tiêu thụ cho hàng hóa công nghệ, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu triển khai.

- Xây dựng, phát triển đội ngũ nhân lực KH&CN có tính năng động, tích cực tham gia vào thị trường KH&CN.

- Thúc đẩy hình thành và phát triển đội ngũ doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN, nhằm đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng kết quả KH&CN vào sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Góp phần hoàn thành các mục tiêu của chương trình: Giá trị giao dịch hàng hoá KH&CN hàng năm đạt 25%. Tỷ trọng giao dịch tài sản trí tuệ đạt trên 15%, tỷ trọng giao dịch các công nghệ nhập khẩu từ các nước phát triển đạt 30%.

- Tốc độ đổi mới công nghệ đạt trên 20%; hỗ trợ đổi mới, chuyển giao công nghệ thiết bị vào sản xuất kinh doanh, nâng cao thương hiệu, năng suất chất lượng sản phẩm cho 25 đơn vị.

- Hình thành và phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN: có 02 tổ chức trung gian, 25 tổ chức KH&CN và 10 doanh nghiệp KH&CN.

b) Đến năm 2030

- Góp phần hoàn thành các mục tiêu của chương trình: Giá trị giao dịch hàng hóa KH&CN hàng năm đạt 30%. Tỷ trọng giao dịch tài sản trí tuệ đạt trên 20%, tỷ trọng giao dịch các công nghệ nhập khẩu từ các nước phát triển đạt 35%.

- Tốc độ đổi mới công nghệ đạt trên 20%; hỗ trợ đổi mới, chuyển giao công nghệ thiết bị vào sản xuất kinh doanh, nâng cao thương hiệu, năng suất chất lượng sản phẩm cho 50 đơn vị.

- Hình thành và phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN: có 04 tổ chức trung gian, 35 tổ chức KH&CN và 15 doanh nghiệp KH&CN.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách về thị trường KH&CN, thúc đẩy các giao dịch hàng hóa KH&CN trên địa bàn tỉnh: Tiếp tục nghiên cứu, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết chuyên đề về chính sách hỗ trợ phát triển KH&CN đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên cơ sở tích hợp các Nghị quyết chuyên ngành: số 91/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018, số 215/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 và số 252/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh nhằm phục vụ hoạt động chuyển giao, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN theo Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh đã được ban hành nhằm tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường KH&CN; thúc đẩy hình thành cơ chế liên thông thị trường KH&CN với các thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính và lao động.

- Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy trình quản lý nhiệm vụ KH&CN nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đảm bảo công khai, minh bạch gắn với ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng và đề xuất triển khai các chương trình phát triển KH&CN làm chương trình trọng điểm đầu tư, phát triển của địa phương trong giai đoạn 2021-2030.

2. Thúc đẩy phát triển nguồn cầu của thị trường KH&CN, nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp

- Tiến hành điều tra, đánh giá trình độ công nghệ sản xuất và nhu cầu đổi mới, chuyển giao công nghệ của các ngành, lĩnh vực sản xuất chính trên địa bàn

tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn cầu công nghệ phù hợp nhu cầu kết nối cung cầu công nghệ của địa phương.

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; hỗ trợ doanh nghiệp thành lập tổ chức KH&CN, thành lập doanh nghiệp KH&CN, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp.

- Thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp - viện, trường, tổ chức KH&CN theo hướng đặt hàng công nghệ hoặc hình thành dự án nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN. Hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đánh giá, định giá, thẩm định giá công nghệ; tìm kiếm, lựa chọn và tiếp nhận, thử nghiệm công nghệ; khai thác, phát triển tài sản trí tuệ.

- Hỗ trợ triển khai các hoạt động xúc tiến, tìm kiếm, chuyển giao các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển.

- Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng và đổi mới công nghệ, thành lập và trích lập Quỹ Phát triển KH&CN của doanh nghiệp, tăng năng suất lao động. Xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.

3. Thúc đẩy phát triển nguồn cung của thị trường KH&CN

- Tiếp tục cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, gắn với chuỗi giá trị sản phẩm, tạo giá trị gia tăng, nâng cao chất lượng và số lượng nguồn cung hàng hóa KH&CN trên thị trường.

- Triển khai các biện pháp thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ; khuyến khích việc chuyển giao, giải mã các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, ưu tiên công nghệ từ các nước phát triển, có tiềm năng tác động lớn và lan tỏa, ưu tiên các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh.

- Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; ưu tiên hỗ trợ các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp phụ trợ, cơ giới hóa, chế biến sâu trong nông nghiệp, phục vụ yêu cầu phát triển vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường xã hội hóa trong hoạt động KH&CN, phát triển tổ chức KH&CN thuộc khu vực tư nhân và doanh nghiệp KH&CN; phát triển hợp tác trong nghiên cứu và phát triển, cung cấp công nghệ từ các đối tác trong và ngoài nước.

- Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia KH&CN trong và ngoài tỉnh tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường KH&CN.

4. Phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN

- Hình thành và phát triển các tổ chức trung gian KH&CN trên các lĩnh vực công nghệ, sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, góp phần thúc đẩy phát triển thị trường KH&CN.

- Nâng cao năng lực hoạt động các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN gắn với việc phát triển các

sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu KH&CN. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường KH&CN thuộc khu vực tư nhân.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Sàn Giao dịch công nghệ thiết bị trực tuyến gắn với hoạt động kết nối cung cầu công nghệ thiết bị và triển khai khu làm việc chung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, kết nối các sàn giao dịch công nghệ, các tổ dịch vụ KH&CN, trung tâm ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN trong nước.

5. Tăng cường hoạt động xúc tiến thị trường KH&CN

- Phối hợp tổ chức các sự kiện xúc tiến thị trường KH&CN trong và ngoài tỉnh; quảng bá thị trường KH&CN và đổi mới sáng tạo; lồng ghép, phối hợp với các sự kiện xúc tiến thương mại và đầu tư theo cả hai phương thức: trực tuyến và trực tiếp.

- Tăng cường xúc tiến thị trường KH&CN tại các thị trường có nhiều nguồn cung công nghệ cao, tiên tiến và thân thiện môi trường, các thị trường tiềm năng, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng và triển khai chương trình, dự án hợp tác xúc tiến công nghệ và chia sẻ chuyên gia giữa tổ chức KH&CN trong và ngoài tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có công nghệ mới được tạo ra trong nước công bố, trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ trong nước, ngoài nước.

6. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, truyền thông và hội nhập quốc tế về thị trường KH&CN

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cấp chứng chỉ, chứng nhận hoạt động phát triển nguồn nhân lực cho các tổ chức trung gian và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về thị trường KH&CN.

- Tăng cường công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu phát triển thị trường KH&CN, đổi mới sáng tạo. Khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động phát triển thị trường KH&CN.

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác về thị trường KH&CN, kết nối thị trường KH&CN trong và ngoài tỉnh.

7. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của thị trường KH&CN

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường KH&CN, từng bước liên thông, tích hợp với các nền tảng kỹ thuật về thị trường KH&CN trong nước và ngoài nước.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và phát triển sàn giao dịch công nghệ thiết bị trực tuyến tỉnh Hà Tĩnh kết nối với hệ thống sàn giao dịch công nghệ trên toàn quốc và triển khai có hiệu quả mô hình sàn thực kết hợp với sàn ảo nhằm thực hiện các dịch vụ tư vấn, môi giới về thị trường KH&CN.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn:

1. Ngân sách trung ương: Nguồn kinh phí từ các chương trình, đề án KH&CN do Trung ương ban hành theo quy định.

2. Ngân sách địa phương: Nguồn kinh phí triển khai các đề án, chính sách hỗ trợ phát triển KH&CN, ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh, Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh.

3. Các nguồn được bố trí hoặc huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai Kế hoạch. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hoặc đột xuất khi được yêu cầu.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học Công nghệ và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách thực hiện Kế hoạch.

3. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, triển khai thực hiện Kế hoạch này và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi được yêu cầu, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch cho Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh: phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch; tăng cường công tác giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

Trên đây là kế hoạch triển khai Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục PTTT&DN KH&CN;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các tổ chức KH&CN;
- Chánh VP, PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Lưu: VT, VX₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Châu